

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh An Giang số 34/BVYDCT ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh An Giang và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại số 8 đường số 20, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là dự án) với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện Đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh An Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện y học cổ truyền An Giang; Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện y học cổ truyền An Giang; Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện y học cổ truyền An Giang; Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa y học cổ truyền – Phục hồi chức năng tỉnh An Giang.

1.4. Mã số thuế: 1601196535.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Dự án có tổng diện tích là 33.364,9 m<sup>2</sup> tại khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.6.2. Quy mô, công suất:

- Quy mô dự án: Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 33.364,9 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích các hạng mục công trình chính là 3.446,33 m<sup>2</sup>; công trình phụ trợ là 29.841,77 m<sup>2</sup> và công trình bảo vệ môi trường là 76,80 m<sup>2</sup>.

- Tổng công suất hoạt động: 100 giường bệnh.

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 214.313.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười bốn tỷ, ba trăm mười ba triệu đồng*). Dự án có quy mô tương đương với dự án đầu tư thuộc nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND thành phố Long Xuyên, UBND phường Bình Đức) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 09 tháng 7 năm 2024 đến ngày 09 tháng 7 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Phòng quản lý môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Sở Y tế tỉnh An Giang;
- UBND thành phố Long Xuyên;
- Ban QLDA ĐTXD và KV PTĐT tỉnh An Giang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Phòng QLMT, Thanh tra Sở, phòng QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Bình Đức;
- Lưu: VT, TTHC.

**GIÁM ĐỐC**

**Thái Minh Hiển**

## PHỤ LỤC 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án và của người nhà bệnh nhân) phát sinh tại khối chính, khoa dược, khoa quản lý nhiễm khuẩn, xưởng kho và nhà xe 4 bánh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ bếp ăn của khoa dinh dưỡng.
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà giặt.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, xét nghiệm, tiểu phẫu, rửa dụng cụ thiết bị y tế,...

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:** 01 dòng nước thải sau xử lý được thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương Áp Chiến Lược.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải ra mương Áp Chiến Lược thuộc khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Toạ độ vị trí xả thải: X = 1152337; Y = 570553 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , tương đương  $3,54 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

##### *2.3.1. Phương thức xả nước thải*

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải thoát vào hố ga thu nước thải (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), sau đó tự chảy ra mương Áp Chiến Lược bằng 01 cửa xả theo đường ống uPVC  $\text{Ø}315$  (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 14 \text{ m}$ ).

##### *2.3.2. Chế độ xả nước thải*

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

*2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A,  $K = 1,2$ ) cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 - 8,5	06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ dự án)	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/l	60		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	36		
4	COD	mg/l	60		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100 ml	KPH		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

#### *1.1.1. Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế:*

- Tại khối chính:

+ Nước thải chứa phân, tiểu được thu gom theo các đường ống uPVC Ø114 (độ dốc  $i = 2\%$ ), uPVC Ø168 (độ dốc  $i = 2\%$ ) về 05 hầm tự hoại 3 ngăn đã được xây dựng tại tầng trệt (03 hầm tự hoại thể tích 24 m<sup>3</sup>/hầm, 02 hầm tự hoại thể tích 40 m<sup>3</sup>/hầm), sau đó theo đường ống uPVC Ø168 (độ dốc  $i = 0,6\%$ ) chảy vào các hố ga thu nước thải (HT1, HT2, HT3, HT5, HT8) (kích thước 1.000 mm x 1.000 mm), rồi theo các đường ống thu gom nước thải nội bộ của dự án đầu tư gồm các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 70$  m), uPVC

Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 49$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

+ Nước thải rửa sàn nhà vệ sinh, rửa tay, tắm,... và nước thải y tế được thu gom bằng các đường ống uPVC Ø60 (độ dốc  $i = 2,5\%$ ), uPVC Ø90 (độ dốc  $i = 2\%$ ) dẫn trực tiếp về các hố ga thu nước thải (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), rồi cùng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn theo các đường ống thu gom nước thải nội bộ của dự án gồm các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 70$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 49$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

- Tại Khoa dược:

+ Nước thải chứa phân, tiểu được thu gom theo đường ống uPVC Ø114 (độ dốc  $i = 2\%$ ) về 01 hầm tự hoại 3 ngăn (thể tích  $10,20 \text{ m}^3$ ), nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ chảy vào hố ga thu nước thải - HT14 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ) sau đó theo các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 45$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 9$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

+ Nước thải rửa sàn nhà vệ sinh, rửa tay, tắm,... và nước thải y tế được thu gom bằng đường ống uPVC Ø90 (độ dốc  $i = 2\%$ ) dẫn trực tiếp về hố ga thu nước thải - HT14 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), rồi cùng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn theo các đường ống uPVC Ø168 (độ dốc  $i = 0,6\%$ ), uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 45$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 9$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

- Tại Khoa quản lý nhiễm khuẩn:

+ Nước thải chứa phân, tiểu được thu gom theo đường ống uPVC Ø114 (độ dốc  $i = 2\%$ ) về 01 hầm tự hoại 3 ngăn (thể tích  $10,20 \text{ m}^3$ ) nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn sẽ chảy vào hố ga thu nước thải - HT13 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), sau đó theo các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 35$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 9$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

+ Nước thải rửa sàn nhà vệ sinh, rửa tay, tắm,... được thu gom bằng đường ống uPVC Ø90 (độ dốc  $i = 2\%$ ) dẫn trực tiếp về hố ga thu nước thải - HT13 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), rồi cùng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn theo các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 35$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 9$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

- Tại Xưởng kho và nhà xe 4 bánh:

+ Nước thải chứa phân, tiểu được thu gom theo đường ống uPVC Ø114 (độ dốc  $i = 2\%$ ) về 01 hầm tự hoại 3 ngăn (thể tích  $9,69 \text{ m}^3$ ) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC Ø168 (độ dốc  $i = 0,6\%$ , chiều dài  $L = 8$  m) chảy vào các hố ga thu nước thải - HT9 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), rồi theo đường

ống uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 33$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

+ Nước thải rửa sàn nhà vệ sinh, rửa tay, tắm,... được thu gom bằng đường ống uPVC Ø60 (độ dốc  $i = 2,5\%$ ) dẫn trực tiếp về hố ga thu nước thải - HT9 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), rồi cùng với nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn theo đường ống uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 33$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

#### *1.1.2. Nước thải từ bếp ăn của Khoa dinh dưỡng:*

Nước thải từ bếp ăn của Khoa dinh dưỡng được thu gom về bể tách dầu mỡ (kích thước:  $02 \text{ m} \times 04 \text{ m} \times 1,8 \text{ m}$ , thể tích  $14,4 \text{ m}^3$ ) để xử lý sơ bộ trước khi theo các đường ống thu gom nước thải nội bộ của dự án (đường ống uPVC Ø250 và uPVC Ø315) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

#### *1.1.3. Nước thải từ nhà giặt:*

Nước thải từ nhà giặt thuộc Khoa quản lý nhiễm khuẩn được thu gom theo đường ống uPVC Ø90 (độ dốc  $i = 2\%$ ) trực tiếp về hố ga thu nước thải - HG13 (kích thước  $1.000 \text{ mm} \times 1.000 \text{ mm}$ ), sau đó theo các đường ống uPVC Ø250 (độ dốc  $i = 0,5\%$ , chiều dài  $L = 35$  m), uPVC Ø315 (độ dốc  $i = 0,4\%$ , chiều dài  $L = 9$  m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất  $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  để xử lý.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### *1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:*

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Hầm tự hoại 3 ngăn.

- Số lượng, thể tích hầm tự hoại 3 ngăn: 08 hầm tự hoại 3 ngăn. Trong đó, 03 hầm tự hoại thể tích  $24 \text{ m}^3/\text{hầm}$ , 02 hầm tự hoại thể tích  $40 \text{ m}^3/\text{hầm}$  tại Khối chính; 01 hầm tự hoại thể tích  $10,20 \text{ m}^3$  tại Khoa dược; 01 hầm tự hoại thể tích  $10,20 \text{ m}^3$  tại Khoa quản lý nhiễm khuẩn; 01 hầm tự hoại thể tích  $9,69 \text{ m}^3$  tại Xưởng kho và nhà xe 4 bánh.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt chứa phân, tiểu → ngăn chứa (ngăn 1) → ngăn lắng 1 (ngăn 2) → ngăn lắng 2 (ngăn 3) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không có.

#### *1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải tại bếp ăn:*

- Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải tại bếp ăn: Bể tách dầu mỡ.

- Số lượng, kích thước: 01 bể tách dầu mỡ tại bếp ăn của Khoa dinh dưỡng, kích thước:  $02 \text{ m} \times 04 \text{ m} \times 1,8 \text{ m}$ , thể tích  $14,4 \text{ m}^3$ .

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhiễm dầu mỡ → Ngăn thứ nhất (tách dầu mỡ và lắng cặn) → Ngăn thứ 2 (thu nước thải sau khi tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không có.

### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Oxictank → Bể MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Mương Áp Chiến Lược).

- Công suất thiết kế: 85 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (0,45 kg/ngày), Javel nồng độ 10% (10 lít/tháng).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

#### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Không xây dựng công trình trên đường ống dẫn nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra.

- Kiểm tra các bơm, motor khuấy và các thiết bị khác. Nếu có thiết bị nào hoạt động bất thường phải cách ly khỏi hệ thống và tìm cách khắc phục sửa chữa.

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng vững chắc nhằm tránh tình trạng hư hỏng, bể vỡ các hạng mục.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật, quản lý, theo dõi và vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Báo ngay cho nhà cung cấp và cơ quan chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

#### 1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

Khi xảy ra sự cố thì nước thải sẽ được dẫn vào bể gom (thể tích V = 8,98 m<sup>3</sup>), bể điều hòa (thể tích V = 44,80 m<sup>3</sup>) để lưu chứa nước thải trong thời gian chờ khắc phục sự cố. Sau đó, kiểm tra sự cố xảy ra ở khu vực nào, tiến hành sửa

chữa và thay mới không để sự cố xảy ra quá 12 giờ (tổng thể tích lưu nước của bể gom và bể điều hòa là 53,78 m<sup>3</sup> đảm bảo thời gian lưu hơn 12 giờ).

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ ngày 01/8/2024 đến ngày 31/10/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 85 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: 02 mẫu.

+ Nước thải đầu vào (trước xử lý): 01 mẫu tổ hợp tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải đầu ra (sau xử lý): 01 mẫu tổ hợp tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định:

+ Nước thải đầu vào (trước xử lý): 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể gom của hệ thống xử lý nước thải

+ Nước thải đầu ra (sau xử lý): 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Dự kiến ngày 05/8/2024.

+ Giai đoạn vận hành ổn định: Dự kiến từ ngày 09/9/2024 đến ngày 11/9/2024. Trong đó gồm: Lần 1 (ngày 09/9/2024), Lần 2 (ngày 10/9/2024), Lần 3 (ngày 11/9/2024).

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường, Chủ dự án phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Long Xuyên (thông qua Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên), UBND phường Bình Đức và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải tổng hợp số liệu, kết quả quan trắc, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

## PHỤ LỤC 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khí thải từ bếp ăn của Khoa dinh dưỡng.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): 01 dòng khí thải từ ống khói của máy phát điện dự phòng được thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X = 1152326$ ;  $Y = 570615$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên dự án tọa lạc tại khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): 01 dòng khí thải từ ống khói của hệ thống hút khói bếp ăn được thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X = 1152334$ ;  $Y = 570624$  (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $104^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ ) nằm trong khuôn viên dự án tọa lạc tại khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Lưu lượng khí thải tối đa  $1.915,20 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Lưu lượng khí thải tối đa  $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

###### 2.3. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Xả gián đoạn (khi nấu ăn và vận hành hệ thống hút khói).

###### 2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, với hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 0,6$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	120	Không đề xuất	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600		
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	510		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, với hệ số Kp = 1 và Kv = 0,6), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600	Không đề xuất	Không thuộc đối tượng
2	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	510		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua 01 ống khói phát thải.

- Khí thải từ bếp ăn của Khoa dinh dưỡng xả ra môi trường qua 01 ống khói phát thải.

#### 1.2. Công trình, thiết bị thu gom khí thải

##### *1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải của máy phát điện dự phòng:*

- Quy trình công nghệ: Khí thải máy phát điện → Ống khói phát thải.

- Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO.

##### *1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải của bếp ăn của Khoa dinh dưỡng:*

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Ống khói phát thải.

- Nhiên liệu sử dụng: Khí gas.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh nằm trong quy chuẩn cho phép.

+ Khu vực đặt máy phát điện tách biệt với khối nhà chức năng (diện tích: 48m<sup>2</sup>), có tường chắn, cách âm bao quanh và được đặt trên bệ đúc có lắp đặt thêm các đệm giảm rung, chấn động.

+ Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc. Khi có sự cố, dừng hoạt động và kiểm tra hệ thống máy phát điện.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ dẫn qua ống khói chiều cao khoảng 05 m tính từ mặt đất thoát trực tiếp vào môi trường, đảm bảo tránh gây tác động đến con người và môi trường xung quanh khu vực dự án đầu tư.

+ Ngoài ra, máy phát điện chỉ hoạt động khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố. Do đó, tác động đến môi trường từ máy phát điện dự phòng hầu như không đáng kể.

- Đối với bếp ăn của Khoa dinh dưỡng:

+ Bố trí khu vực nấu, nướng ở những nơi cao ráo, thông thoáng, tách biệt với các khu vực khác để giảm thiểu tác động của khói.

+ Khu vực bếp ăn tại Khoa dinh dưỡng đã được lắp đặt hệ thống thu hút khói bếp ăn gồm: Phễu chụp thu khói, đường ống dẫn khói bằng inox, quạt hút khói. Trong quá trình khói thải được thu hút vào hệ thống, hơi dầu mỡ trong khói thải sẽ đọng lại tại phễu chụp thu khói, phần khói được quạt hút đưa ra ngoài môi trường chủ yếu là hơi nước.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả khí thải ra ngoài môi trường.

3.2. Sử dụng nhiên liệu dầu cho máy phát điện dự phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng về hàng hóa theo quy định.

3.3. Có giải pháp giảm thiểu khí thải, mùi hôi phát sinh tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và khu vực hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

3.4. Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải, mùi hôi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tủ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tủ máy bơm nước đặt tại khu vực nhà để máy bơm nước.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng có tọa độ X = 1152326; Y = 570615 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45' múi chiếu 3°).

- Nguồn số 02 tại khu vực đặt máy bơm nước có tọa độ X = 1152324; Y = 570625 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45' múi chiếu 3°).

**3. Yêu cầu:** Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không đề xuất	Khu vực đặc biệt

#### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	60	55	Không đề xuất	Khu vực đặc biệt

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giảm thiểu tiếng ồn từ loa thông báo, phương tiện vận chuyển, máy bơm, máy phát điện dự phòng:

+ Điều chỉnh âm lượng của các loa thông báo ở mức cho phép (không quá 55dBA), đủ để người bệnh và thân nhân người bệnh nhận biết.

+ Bố trí các loa thông báo thích hợp với từng phòng chức năng như phòng đăng, lấy kết quả, quầy dược, quầy tiếp nhận bệnh nhân,...

+ Nhà máy phát điện dự phòng và máy bơm được xây dựng tách biệt với các khu chức năng.

+ Gắn vào đầu ra của máy phát điện thiết bị giảm âm.

+ Kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các thiết bị như: Máy bơm, máy phát điện dự phòng,...

+ Định kỳ bảo trì máy móc, thiết bị như: Bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

+ Phải tắt máy các phương tiện vận chuyển khi vào khuôn viên dự án.

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển vào giờ nghỉ trưa và ban đêm.

- Giảm thiểu tiếng ồn từ bệnh nhân và người nhà bệnh nhân: Đặt các biển báo đi nhẹ, nói khẽ để người nhà bệnh nhân giữ không gian yên lặng cho bệnh nhân nghỉ ngơi.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị (bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế) các máy móc, thiết bị để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

## PHỤ LỤC 4

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh ước tính (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	Rắn/lỏng	13 01 01	5.110
2	Hoá chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	380
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt hóa thải	Rắn	16 01 06	20
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	100
5	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải bỏ	Rắn	16 01 13	50
6	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	50
7	Mực in thải	Rắn/lỏng	08 02 01	10
8	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	50
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	15
10	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước (Nước thải từ thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại)	Lỏng	19 01 01	330
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	7.522,65

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh ước tính (kg/ngày)
1	Rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa, rau, cải,...		586
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (bột thạch cao, vải, quần áo dùng một lần, tã	13 01 05	

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh ước tính (kg/ngày)
	lót,...)		
3	Hóa chất thải không có các thành phần nguy hại	13 01 06	
4	Dược phẩm thải không có các thành phần gây độc tế bào	13 01 07	
5	Các bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn không dính CTNH	13 03 03	
6	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	
7	Bao bì nhựa thải	18 01 06	
8	Bao bì kim loại thải	18 01 08	
9	Bao bì thủy tinh thải	18 01 09	

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải lây nhiễm: Bố trí 25 thùng đập màu vàng loại 20 lít, 03 thùng màu vàng loại 60 lít, 03 thùng loại 120 lít có nắp đậy để lưu chứa chất thải lây nhiễm phát sinh tại dự án đầu tư cụ thể như sau:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Bố trí các thùng màu vàng loại 20 lít có nắp đậy đặt tại các phòng khám bệnh.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Bố trí các thùng màu vàng loại 20 lít, loại 60 lít có nắp đậy và có lót 01 lần túi màu vàng đặt tại các phòng khám bệnh.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Bố trí các thùng màu vàng loại 60 lít, loại 120 lít có nắp đậy và có lót 01 lần túi màu vàng đặt tại các phòng khám bệnh.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Bố trí 03 thùng màu đen loại 60 lít và 01 thùng loại 240 lít có nắp đậy đặt tại các phòng khám bệnh để lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: Kho chất thải nguy hại của dự án có diện tích là 12 m<sup>2</sup>.

- Kết cấu: Nền bê tông, tường xây, cửa đi - cửa sổ khung thép kính khung bảo vệ thép, mái lợp tole. Mặt sàn kho chứa kho chất thải nguy hại đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào; bên ngoài kho phía

trước cửa phòng có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa chất thải nguy hại đúng theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT; xây dựng gờ chắn và rãnh thu gom, bố trí 01 phuy cát, xẻng, bình chữa cháy để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn kho chất thải nguy hại ở thể lỏng. Bên trong kho chứa chất thải nguy hại được chia thành 02 khu vực riêng biệt để lưu chứa chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm, trong đó khu vực chứa chất thải lây nhiễm có diện tích 7,2 m<sup>2</sup> và bố trí 02 thùng màu vàng loại 60 lít, 01 thùng loại 240 lít có nắp đậy; khu vực chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích là 4,8 m<sup>2</sup> và bố trí 01 thùng màu đen loại 60 lít, 01 thùng loại 240 lít có nắp đậy theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT để thu gom, lưu giữ.

- Chủ dự án đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Bố trí 31 sọt rác nhựa tròn xanh bên trong có lót túi màu xanh (kích thước: 25,7 x 25,2 cm), 69 thùng màu xanh loại 20 lít, 16 thùng màu xanh loại 120 lít, 06 thùng màu xanh loại 240 lít có nắp đậy, các thùng chứa, sọt rác được đặt tại sảnh đợi, phòng bệnh, nhà vệ sinh, văn phòng, bãi đậu xe, khu vực sắc thuốc và dọc các lối đi.

- Đối với chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Bố trí 33 thùng màu trắng loại 20 lít, 03 thùng màu trắng loại 60 lít và 02 thùng loại 240 lít có nắp đậy, bên ngoài các thùng chứa có dán biểu tượng chất thải tái chế theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, các thùng chứa được đặt tại sảnh đợi, phòng bệnh, nhà vệ sinh, văn phòng, bãi đậu xe và dọc các lối đi.

### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: Kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích là 16,8 m<sup>2</sup> (cạnh kho chứa chất thải nguy hại).

- Kết cấu: Nền bê tông, tường xây, cửa đi - cửa sổ khung thép kính khung bảo vệ thép, mái lợp tole. Kho chứa chất thải rắn thông thường được chia thành 2 khu vực riêng biệt để lưu chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế và chất thải rắn thông thường sử dụng tái chế, trong đó khu vực chứa chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế có diện tích là 12,8 m<sup>2</sup> và bố trí 04 thùng màu xanh loại 240 lít có nắp đậy để thu gom, lưu giữ; khu vực chứa chất thải rắn thông thường sử dụng tái chế có diện tích là 04 m<sup>2</sup> và bố trí 01 thùng màu trắng loại 60 lít, 01 thùng loại 240 lít có nắp đậy theo đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT để thu gom, lưu giữ.

- Lượng chất thải rắn thông thường không sử dụng tái chế sẽ được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom: 01 ngày/lần.

- Lượng chất thải rắn thông thường sử dụng tái chế sẽ được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo đúng quy định, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường. Tần suất thu gom: 03 tháng/lần.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

Chủ dự án có trách nhiệm thu gom, phân loại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh tại dự án: Chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức thực hiện ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 286/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):** Dự án không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, đề nghị Chủ dự án chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp thay đổi Chủ dự án thì Chủ dự án mới có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm đã được quy định tại Giấy phép môi trường này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông theo các quy định pháp luật hiện hành. Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án trong thực hiện bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.